

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HB  
TỈNH BẠC LIÊU**  
Bản án số: 22/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 04-5-2021  
V/v “Tranh chấp ly hôn”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HB, TỈNH BẠC LIÊU**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*  
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Ngọc Diễm  
*Các Hội thẩm nhân dân:*  
1. Ông Nguyễn Văn Miên  
2. Ông Huỳnh Tài Em  
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phan Thị Mỹ Ghét, Thư ký Tòa án nhân dân huyện HB.  
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HB, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:* Ông Văn Hữu Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện HB, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 56/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2021 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Bà Đặng Ngọc H, sinh năm 1970  
Địa chỉ: Ấp 17, xã VB, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu;

+ Bị đơn: Ông Lê Thanh P, sinh năm 1970  
Địa chỉ: Ấp 17, xã VB, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu.

*(Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Nguyên đơn bà Đặng Ngọc H trình bày: Bà với ông Lê Thanh P sống chung và tổ chức đám cưới theo P tục tại địa phương vào năm 1996. Tuy nhiên, ông bà không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Bà và ông P có 02 người con chung tên Lê Khả N sinh ngày 13/7/2002 và Lê Khả A sinh ngày 06/10/1996. Trong thời gian chung sống do ông P làm phát sinh nhiều khoản nợ riêng mất khả năng chi trả. Số tài sản chung được tạo lập thì bà và ông P đã bán hết và trả nợ. Do đó bà và ông P không còn tài sản chung và nợ chung. Mâu thuẫn giữa bà và ông P ngày càng trầm trọng nên hiện nay không sống cùng nhau nữa. Bà cảm thấy mục đích hôn nhân không đạt được và không còn yêu thương nhau nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông P. Về con chung, các con của bà và ông P hiện nay đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung, không có nên không yêu cầu Tòa án giải

quyết.

Ông Lê Thanh P trình bày: Vợ chồng ông sống chung và tổ chức đám cưới theo phong tục tại địa phương vào năm 1996. Tuy nhiên, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng ông có 02 người con chung tên Lê Khả Nên sinh ngày 13/7/2002 và Lê Khả A sinh ngày 06/10/1996. Trong thời gian chung sống ông có làm ăn thất bại nhưng không nói với vợ và tự ý vay mượn dẫn đến có nhiều khoản nợ. Sau đó vợ ông biết được và vợ chồng ông quyết định bán hết tài sản chung để trả nợ. Tuy nhiên, sau đó vợ chồng ông không còn tình cảm gắn bó như trước, mâu thuẫn không giải quyết dứt điểm. Ông và bà H đã sống ly thân nhiều tháng nay. Ông cũng muốn hàn gắn quan hệ hôn nhân nhưng không có biện pháp nào. Đến nay vợ ông nhất quyết ly hôn thì ông cũng đồng ý. Về con chung, các con của ông hiện nay đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung, không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của kiểm sát viên:

*Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa.

*Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:* Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Bị đơn đã được thông đạt hợp lệ các quyết định nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 227, 228, 238 BLTTDS đủ điều kiện xét xử.

*Về nội dung:* Đề nghị căn cứ Điều 14, khoản 2 Điều 53; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Không công nhận bà Đặng Ngọc H và ông Lê Thanh P là vợ chồng.

*Về con chung, về tài sản chung, nợ chung:* không xem xét giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Đặng Ngọc H và ông Lê Thanh P đều có hộ khẩu thường trú tại ấp 17, xã VB, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu. Căn cứ Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện HB. Bà H và ông P có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; Căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà H và ông P.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Ngọc H và ông Lê Thanh P chung sống như vợ chồng vào năm 1996 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Căn cứ Điều 9 và Điều 14 luật hôn nhân gia đình Hội đồng xét xử không công nhận bà Đặng Ngọc H và ông Lê Thanh P là vợ chồng.

[3] Về con chung: Bà H và ông P xác định ông bà có 02 người con chung tên Lê Khả N sinh ngày 13/7/2002 và Lê Khả A sinh ngày 06/10/1996. Đồng thời, bà H và ông P xác định các cháu N và A đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà H và ông P xác định không có nợ chung và tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết.

[5] Về án phí: Bà Đặng Ngọc H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

[6] Những phân tích, nhận định và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với tài liệu chứng cứ cũng như phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 238; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 9, Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Đặng Ngọc H và ông Lê Thanh P là vợ chồng.

2. Về án phí: Bà Đặng Ngọc H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng. Bà H đã dự nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0010541 ngày 22/3/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện HB được chuyển thu án phí.

3. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND huyện HB;
- Cơ quan THA huyện HB;
- Lưu: HS; VT-TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Ngọc Diễm**